



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN

Địa chỉ: Tầng 3 & 4, tòa nhà Viglacera-Exim, số 2 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: 04. 3791 1818 / Fax: 04. 3791 5808

Website: www.japan-sec.vn



JAPAN SECURITIES INC.

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

NĂM 2016

Theo mẫu tại Phụ lục số 04 ban hành theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2017

I. THÔNG TIN CHUNG:**1. Thông tin khái quát:**

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN
- Tên giao dịch bằng tiếng Anh: JAPAN SECURITIES INCORPORATED
- Tên viết tắt: JSI
- Vốn điều lệ (tính đến 31/12/2016): 41.000.000.000 VNĐ (Bốn mươi một tỷ đồng./.)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu (tính đến 31/12/2016): 30.782.642.262 VNĐ (Bằng chữ: Ba mươi tỷ, bảy trăm tám mươi hai triệu, sáu trăm bốn mươi hai nghìn, hai trăm sáu mươi hai đồng chẵn./.)
- Địa chỉ: Tầng 3&4, Tòa nhà Viglacera-Exim, số 2 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội
- Điện thoại: 84-4-3791.1818 Fax: 84-4-3791.5808
- Website: www.japan-sec.vn Email: info@japan-sec.vn

2. Quá trình hình thành và phát triển:

Công ty CP Chứng khoán Nhật Bản được UBCKNN cấp Giấy phép thành lập và hoạt động số 103/UBCK-GP ngày 16 tháng 1 năm 2009 với tên Công ty CP Chứng khoán Hoa Anh Đào, có trụ sở chính tại tầng 3&7, Tòa nhà Viglacera-Exim, số 2 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội. Công ty được thành lập bởi Tổng công ty Viglacera và có sự tham gia của các cổ đông Nhật Bản là Công ty Chứng khoán Aizawa, Công ty Japan Asia Holdings và Công ty Đầu tư Tanamark với tổng vốn điều lệ là 41.000.000.000 VNĐ.

Các sự kiện nổi bật trong quá trình hình thành và phát triển của Công ty:

Thời gian	Sự kiện
16/01/2009	Công ty chính thức được cấp giấy phép thành lập với tên Công ty Cổ phần Chứng khoán Hoa Anh Đào
20/05/2009	Thay đổi Tổng Giám đốc kiêm người đại diện trước pháp luật là ông Yokoyama Norio
22/05/2009	Chứng nhận công ty là thành viên lưu ký chứng khoán
30/06/2009	Công nhận tư cách thành viên giao dịch tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội
10/07/2009	Công nhận tư cách thành viên giao dịch tại Sở Giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh

20/10/2009	Tham gia giao dịch trực tuyến với Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh
13/01/2010	Kết nối giao dịch với sàn UpCOM
11/03/2010	Công ty đổi tên thành Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhật Bản
12/04/2010	Tham gia giao dịch trực tuyến với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
21/01/2011	Thay đổi Tổng Giám đốc kiêm người đại diện trước pháp luật là ông Hiramoto Hiroshi
07/06/2011	Chính thức cung cấp dịch vụ giao dịch chứng khoán trực tuyến
01/08/2012	Chính thức cung cấp dịch vụ Giao dịch ký quỹ
05/02/2015	Thay đổi Tổng Giám đốc kiêm người đại diện trước pháp luật là ông Atsuhiko Haruyama
16/04/2015	Thay đổi địa chỉ Công ty từ tầng 3 & 7 thành tầng 3 & 4, tòa nhà Viglacera-Exim, số 2 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

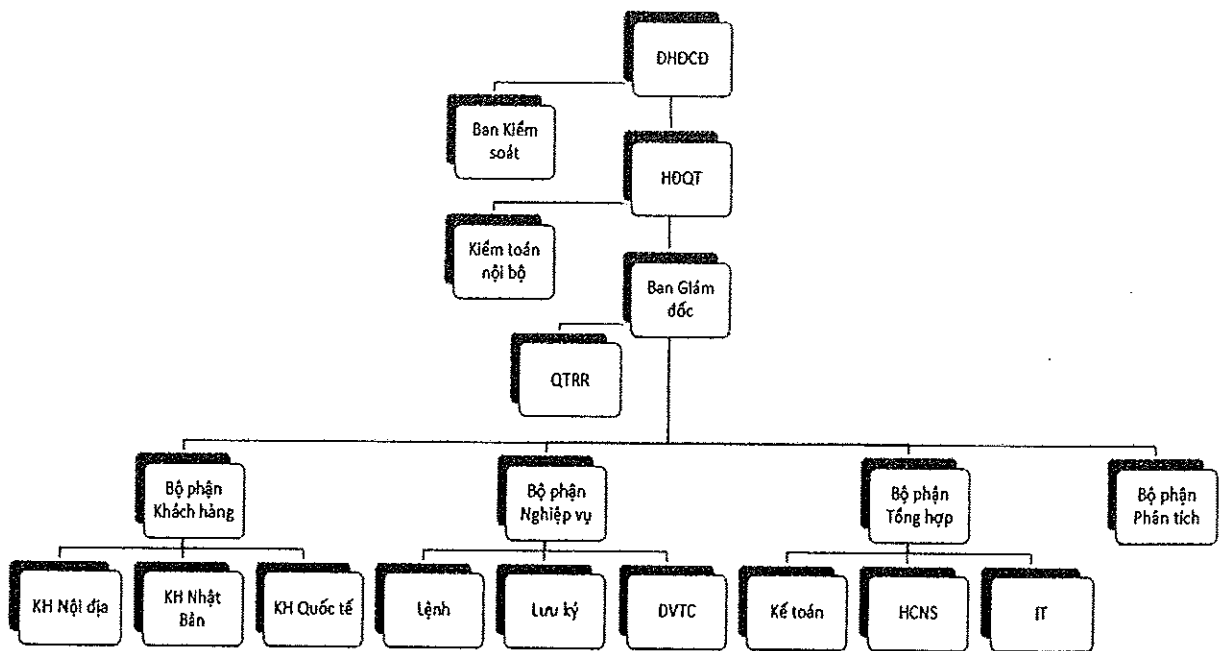
- Ngành nghề kinh doanh:
 - Hoạt động môi giới chứng khoán;
 - Hoạt động lưu ký chứng khoán;
 - Hoạt động tư vấn đầu tư;
 - Dịch vụ giao dịch ký quỹ chứng khoán.
- Địa bàn kinh doanh:
 - Hà Nội và các tỉnh lân cận;
 - Nhật Bản và các nước khác.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị của Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhật Bản bao gồm: Đại hội đồng Cổ đông, Ban Kiểm soát, Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, các Phòng Ban nghiệp vụ và một số tiểu ban giúp việc cho Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc (Ban Kiểm toán nội bộ, Ban Kiểm soát nội bộ và Ban Quản trị rủi ro).

- Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty được xây dựng trên nguyên tắc phân công, quản lý theo chức năng công việc, có mối quan hệ chặt chẽ với nhau:
 - Hội đồng Quản trị điều hành chỉ đạo về mặt chủ trương, định hướng trung hạn, dài hạn cho toàn Công ty;
 - Ban Giám đốc quản lý, điều hành công việc thông qua việc phân cấp, phân quyền;
 - Các Trưởng Phòng/Ban trực tiếp giải quyết các công việc cụ thể và chịu trách nhiệm trực tiếp đối với mọi hoạt động của các phòng ban đó;
 - Các tiểu ban giúp việc của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc hoạt động độc lập và chuyên trách có trách nhiệm hỗ trợ Ban điều hành trong việc quản lý và kiểm soát rủi ro, đảm bảo các hoạt động nghiệp vụ của Công ty được thực hiện một cách chính xác, hạn chế những rủi ro không đáng có phát sinh trong quá trình tác nghiệp.
- Mô hình quản trị và cơ cấu bộ máy quản lý hiện tại đã đáp ứng được nhu cầu quản lý, quản trị, điều hành của Ban Giám đốc, và đảm bảo hiệu quả quản trị của Hội đồng Quản trị đối với bộ máy điều hành.
- Để nâng cao hiệu quả quản trị công ty, Ban Giám đốc đã ban hành các quy trình công việc cụ thể cho từng đầu việc, phòng ban, giúp thực hiện công tác quản lý, quản trị nhân sự được thuận lợi. Các quy trình này thường xuyên được các phòng ban cập nhật, hoàn thiện, cho phù hợp với tình hình hoạt động thực tế tại từng thời điểm.

Cơ cấu của Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhật Bản (cập nhật tại ngày 31/12/2016) được tổ chức như sau:



5. Định hướng phát triển

- Là công ty chứng khoán đầu tiên ở Việt Nam có sự tham gia điều hành của chuyên gia Nhật Bản và rất có lợi thế trong việc thu hút khách hàng Nhật, Công ty CP Chứng khoán Nhật Bản vẫn tiếp tục hướng tới mục tiêu trở thành công ty dẫn đầu trong lĩnh vực môi giới chứng khoán cho khách hàng nước ngoài (đặc biệt là khách hàng tại Nhật Bản) và sẽ trở thành cầu nối giữa thị trường vốn Việt Nam và nhà đầu tư Nhật Bản.
- Triết lý kinh doanh của chúng tôi là:
 - Trung thực và Tin cậy;
 - Ổn định và Chất lượng;
 - Phát triển và Cống hiến.
- Trong trung và dài hạn, Công ty CP Chứng khoán Nhật Bản tập trung vào các chiến lược và phương pháp sau đây:
 - Triển khai chiến dịch marketing để tăng khách hàng tổ chức nước ngoài;
 - Thành lập đội ngũ kinh doanh nhằm tiếp cận các tài khoản lớn, bao gồm cả các tài khoản tổ chức trong nước;
 - Đẩy mạnh giao dịch trực tuyến cho các tài khoản cá nhân;
 - Nâng cao hiệu quả của hệ thống công nghệ thông tin;
 - Thành lập nhóm nghiên cứu khác để mở rộng phạm vi khách hàng;
 - Triển khai hoạt động marketing để phát triển hoạt động kinh doanh các sản phẩm quỹ đầu tư (quỹ mở trái phiếu, cổ phiếu và bất động sản).

6. Các rủi ro:

- Công ty chứng khoán thuộc dạng công ty thành lập có điều kiện và được xếp vào diện các định chế tài chính dù với quy mô như thế nào. Do vậy, ở công ty chứng khoán, các rủi ro luôn tiềm ẩn. Ở Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhật Bản, việc đối diện và phòng ngừa các rủi ro luôn được sự quan tâm đặc biệt của Hội Đồng Quản trị và Ban Giám đốc công ty.
- Các rủi ro liên quan đến công ty và có thể ảnh hưởng tới sản xuất kinh doanh cũng như việc thực hiện các mục tiêu của công ty bao gồm:
 - Rủi ro thị trường: là rủi ro mà giá trị hợp lý các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường được thể hiện thông qua những biến động về lãi suất, tỷ giá hối đoái, chi phí giá vốn...
 - Rủi ro thanh toán: là rủi ro khi đối tác không thể thanh toán đúng hạn hoặc không thể chuyển giao tài sản đúng hạn như cam kết. Rủi ro thanh toán ở JSI liên quan đến các khoản phải thu của khách hàng. Việc quản lý các khoản phải thu của khách hàng của công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm

soát của công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro thanh toán từ hoạt động giao dịch cho vay ký quỹ và cho vay ứng trước tiền bán chứng khoán.

- Rủi ro thanh khoản: Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền. Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và các khoản tương đương tiền ở mức độ hợp lý đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.
- Rủi ro pháp luật: Các văn bản pháp luật liên quan đến chứng khoán và thị trường chứng khoán thường xuyên được thay đổi nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao trong việc hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật liên quan đến thị trường chứng khoán. Công ty thường xuyên cập nhật những văn bản pháp luật mới nhất liên quan đến lĩnh vực chứng khoán và các lĩnh vực liên quan. Ngoài ra, công ty đã và đang nâng cao kiến thức về pháp luật cho đội ngũ cán bộ quản lý cũng như toàn bộ cán bộ nhân viên trong công ty. Bên cạnh đó, việc tham vấn pháp luật của công ty với các đơn vị cung cấp dịch vụ pháp lý chuyên nghiệp cũng được Ban Giám đốc công ty đặc biệt chú trọng. Nhờ đó đã giúp công ty hạn chế những rủi ro liên quan đến vấn đề pháp luật.
- Rủi ro hoạt động: là rủi ro xảy ra do lỗi kỹ thuật, hệ thống, quy trình nghiệp vụ, con người trong quá trình tác nghiệp ... Để giảm thiểu các rủi ro này, JSI đã xây dựng quy trình nghiệp vụ cụ thể đến từng phòng nghiệp vụ và phổ biến đến từng cán bộ nhân viên trong công ty. Ngoài ra, các phòng nghiệp vụ thường xuyên tổ chức gặp gỡ và thảo luận bàn ra phương hướng giải quyết trước mỗi một loại hình rủi ro có thể xảy ra. Thực tế, các rủi ro hoạt động ở JSI cũng đã được hạn chế ở mức tối đa.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Năm 2016, thị trường chứng khoán Việt Nam đánh dấu 20 năm hình thành và phát triển. Có nhiều sự kiện nổi bật của thị trường như chu kỳ thanh toán được rút ngắn xuống còn T+2, Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh triển khai việc chia nhỏ bước giá, hệ thống giao dịch thị trường phái sinh được tiến hành vận hành thử nghiệm, qui mô vốn hóa của thị trường đến cuối năm 2016 đạt khoảng 1,8 triệu tỷ đồng – tương đương 43% GDP, và chỉ số VN-Index đạt đỉnh cao nhất (ở mức 688.89 điểm vào ngày 19/10) trong vòng 8 năm qua. Thị trường cũng bị tác động bởi các yếu tố bên ngoài như sự kiện thị trường chứng khoán Trung Quốc ngắt giao dịch ngày 1/4, sự kiện Anh rời khỏi EU (Brexit) ngày 24/6, kết quả bầu cử Tổng thống Mỹ ngày 9/11. Hầu hết các sự kiện này đều tác động mạnh đến thị trường chứng khoán Việt Nam và dẫn đến hoạt

động bán tháo. Ngày 24/6, VN-Index có lúc đã sụt giảm 5,47%, ngày 9/11 giảm sâu nhất 3%.

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty Chứng khoán Nhật Bản năm 2016 không đạt được kỳ vọng của Đại hội đồng Cổ đông. Kết thúc năm 2016, JSI bị lỗ 4,4 tỷ đồng. Cụ thể:

STT	Các chỉ tiêu chủ yếu	ĐVT	Báo cáo tài chính
1	Tổng tài sản	Tỷ đồng	33,44
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	11,46
3	Tổng chi phí	Tỷ đồng	15,87
4	Lợi nhuận gộp	Tỷ đồng	- 4,4

Tình thực hiện so với kế hoạch và cùng kỳ: (Đơn vị: tỷ đồng)

Chỉ tiêu	So sánh với kế hoạch			So sánh cùng kỳ		
	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ	2015	2016	Tỷ lệ
Tổng thu nhập	15,678	11,459	73%	12,596	11,459	91%
Tổng chi phí	14,746	15,868	108%	16,017	15,868	99%
Lợi nhuận gộp	932	-4,409	-473%	-3,421	-4,409	129%

2. Tổ chức và nhân sự:

- Danh sách Ban điều hành:

Vị trí	Họ và tên	Tóm tắt lý lịch	Tỷ lệ sở hữu CP có quyền biểu quyết (tại ngày 31/12/2016)
Tổng Giám đốc	Atsuhiko Haruyama	<ul style="list-style-type: none"> • Ngày sinh: 06/02/1955 • Quốc tịch: Nhật Bản • Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế • Quá trình công tác: <ul style="list-style-type: none"> ○ 1979 - 2013: Công ty Nomura tại Nhật Bản ○ 08/2013 – nay: Công ty Chứng khoán Japan Asia ○ 02/2014 – nay: TGD Công ty Chứng khoán Nhật Bản tại Việt Nam 	2.13%

Phó Tổng Giám đốc	Nguyễn Thị Thu Trang	<ul style="list-style-type: none"> • Ngày sinh: 29/08/1984 • Quốc tịch: Việt Nam • Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế • Quá trình công tác: <ul style="list-style-type: none"> ○ 7/2009 – nay: Công ty CP-Chứng khoán Nhật Bản ○ 4/2016 – nay: Phó Tổng Giám đốc – Công ty CP Chứng khoán Nhật Bản 	0%
Kế toán trưởng	Dương Thị Kiều Giang	<ul style="list-style-type: none"> • Ngày sinh: 22/03/1982 • Quốc tịch: Việt Nam • Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế • Quá trình công tác: <ul style="list-style-type: none"> ○ 02/2005 - 05/2011: Công ty TNHH AVASYS Việt Nam ○ 11/2015 - 01/2017: Công ty CP chứng khoán Nhật Bản ○ 09/2016 – 01/2017: Kế toán trưởng – Công ty CP chứng khoán Nhật Bản. 	0%

Thay đổi trong ban điều hành:

- Vì lý do cá nhân, từ cuối năm 2015, bà Dương Thị Thu Thủy – Phó Tổng Giám đốc – xin thôi việc tại JSI. Tháng 4/2016, Công ty bổ nhiệm bà Nguyễn Thị Thu Trang là người thay thế vào vị trí này.
- Vì lý do cá nhân, bà Lương Thị Trà – Kế toán trưởng – xin thôi việc tại JSI. Tháng 9/2016, Công ty bổ nhiệm bà Dương Thị Kiều Giang là người thay thế vị trí này.

Số lượng cán bộ, nhân viên:

BỘ PHẬN	Tính đến 31/12/2016
Ban Giám đốc	2
Quản trị rủi ro	1
Bộ phận Khách hàng	2
Bộ phận Nghiệp vụ	9
Bộ phận Tổng hợp	12
Bộ phận Phân tích	1
TỔNG CỘNG	27

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

- Các khoản đầu tư lớn: không có.
- Các công ty con, công ty liên kết: không có.

4. Tình hình tài chính:

- Tình hình tài chính:

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	57.680.356.642	33.443.393.317	58%
Doanh thu thuần	12.592.972.233	10.761.938.041	85%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-3.424.930.827	-5.024.132.917	147%
Lợi nhuận khác	3.100.000	697.005.998	22.484%
Lợi nhuận trước thuế	-3.421.830.827	-4.409.469.799	129%
Lợi nhuận sau thuế	-3.421.830.827	-4.409.469.799	129%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	0%	0%	

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Các chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Ghi chú
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	2.50	12.11	
+ Hệ số thanh toán nhanh: Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn	2.50	12.11	
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0.38	0.08	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0.54	0.09	
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0.21	0.32	
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	-27%	-41%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	-9%	-14%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	-5%	-13%	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	-27%	-47%	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a. Cổ phần:

Tổng số cổ phiếu đang lưu hành: 4.100.000 cổ phiếu. Trong đó:

- Cổ phiếu thường: 4.100.000 cổ phiếu (mệnh giá 10.000 VNĐ);
- Cổ phiếu ưu đãi: không có;
- Cổ phiếu tự do chuyển nhượng: 4.100.000 cổ phiếu;
- Cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng: không có.

b. Cơ cấu cổ đông:

STT	Cổ đông	Tỷ lệ vốn góp	Số vốn góp (VNĐ)
1	Cổ đông lớn sở hữu từ 5% cổ phần của công ty trở lên	82,62%	
	<i>Trong đó:</i>		
	Tổ chức trong nước (1 tổ chức)	10%	4.100.000.000
	Tổ chức nước ngoài (3 tổ chức)	49%	20.090.000.000
	Cá nhân trong nước (4 cá nhân)	23,62%	9.684.000.000
	Cá nhân nước ngoài (0 cá nhân)	0%	0
2	Tổ chức	59 %	24.190.000.000
	<i>Trong đó:</i>		
	Tổ chức nước ngoài	49 %	20.090.000.000
	Tổ chức Việt nam	10 %	4.100.000.000
	Cá nhân	41%	16.810.000.000
	<i>Trong đó:</i>		
	Cá nhân nước ngoài	2.13%	875.000.000
	Cá nhân Việt nam	38.87%	15.935.000.000
3	Trong nước	48.87%	20.035.000.000
	<i>Trong đó:</i>		
	Tổ chức trong nước	10%	4.100.000.000
	Cá nhân trong nước	38.87%	15.935.000.000
	Nước ngoài	51.13%	20.965.000.000

	<i>Trong đó:</i> Tổ chức nước ngoài Cá nhân nước ngoài	49% 2.13%	20.090.000.000 875.000.000
4	Cổ đông Nhà nước	0%	0

c. *Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:* không có.

d. *Giao dịch cổ phiếu quỹ:* không có.

e. *Các chứng khoán khác:* không có.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

a. *Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường*

- Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không
- Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không

b. *Chính sách liên quan đến người lao động*

- Số lượng lao động bình quân năm 2016: 27
- Mức lương trung bình đối với người lao động: 19 triệu đồng/người/tháng
- Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:
 - Chính sách lương: Công ty đảm bảo cho người lao động được hưởng tất cả các chế độ về lương và phụ cấp theo quy định của pháp luật, phù hợp với năng lực và trình độ của từng người. Ngoài lương cơ bản, người lao động còn được hưởng thưởng/phụ cấp theo năng suất hiệu quả công việc đối với một số vị trí quản lý;
 - Chính sách khen thưởng, phúc lợi: Chính sách khen thưởng được áp dụng gắn liền với kết quả công việc và hiệu quả hoạt động kinh doanh nhằm tạo động lực làm việc tích cực cho người lao động. Các chế độ thưởng cụ thể năm 2016:
 - Tháng lương 13;
 - Thưởng nhân các ngày Lễ, Tết.
 - Chế độ bảo hiểm xã hội: Các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp được Công ty tuân thủ theo đúng qui định pháp luật, nhằm đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho người lao động trong Công ty.
 - Chính sách khác:

- Thực hiện đầy đủ các qui định về an toàn, vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ;
- Tổ chức khám sức khoẻ định kỳ cho người lao động.
- Hoạt động đào tạo người lao động: Công ty thực hiện đào tạo tất cả nhân viên cả về nghiệp vụ chăm sóc khách hàng, ngoại ngữ, và các khóa học nâng cao kỹ năng mềm khác, được tổ chức cả trong và ngoài địa điểm làm việc của Công ty.
 - Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm: 5,5 giờ/nhân viên/năm (khoảng 150 giờ toàn Công ty trong năm 2016).
 - Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp.
- c. *Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương*
 - Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng: Công ty tích cực tham gia ủng hộ các hoạt động hỗ trợ của Phường, Quận nơi Công ty đặt trụ sở.
- d. *Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN*: không.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- Khoản lỗ gần 4,41 tỷ đồng tạo nên khoảng cách rất lớn so với kế hoạch đầu năm đã đặt ra.
- So với năm 2015, mặc dù doanh thu môi giới tăng lên nhưng doanh thu từ margin, ứng trước, tư vấn đều sụt giảm mạnh khiến tổng lỗ năm 2016 vẫn tăng thêm gần 1 tỷ đồng.
- Doanh thu từ môi giới chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu doanh thu. Giá trị giao dịch của khách hàng Nhật tăng mạnh từ cuối tháng 6/2016 và tiếp tục giữ mức ổn định cho đến tháng cuối năm. Trong khi đó, doanh thu môi giới từ khách hàng nội địa lại có nhiều biến động. Khách hàng cá nhân nội địa có dấu hiệu chuyển đi vào tháng những tháng cuối năm, doanh thu từ môi giới, cho vay margin & ứng trước tiền bán sụt giảm mạnh.
- Tổng lỗ lũy kế tính đến thời điểm 31/12/2016 là 10,887 tỷ đồng và làm cho nguồn vốn chủ sở hữu giảm chỉ còn 30,78 tỷ đồng.

2. Tình hình tài chính:

ã. Tình hình tài sản:

- Tổng tài sản giảm 13.72 tỷ, trong đó tài sản ngắn hạn giảm 13.53 tỷ và tài sản dài hạn giảm 0.19 tỷ.

- Tiền thuộc sở hữu của công ty chủ yếu nằm dưới hình thức tiền gửi có kỳ hạn 01 năm với tổng số tiền là 15.5 tỷ. Công ty sử dụng nguồn tiền từ vay thấu chi ngân hàng và tiền của Công ty để cung cấp dịch vụ margin cho khách hàng.

b. Tình hình nợ phải trả

- Nợ phải trả giảm 9.31 tỷ, từ gần 12 tỷ đầu năm xuống còn 2.66 tỷ vào cuối năm.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Hoạt động dịch vụ: Tăng cường nâng cao chất lượng dịch vụ chứng khoán, đảm bảo thỏa mãn yêu cầu của khách hàng trong và ngoài nước, đặc biệt khách hàng tổ chức Nhật Bản.

- Hoạt động kiểm tra kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro: Tăng cường rà soát qui trình và kiểm tra chặt chẽ hạn chế rủi ro trong công ty.

- Hoạt động tổ chức nhân sự và chế độ tiền lương: Khuyến khích toàn thể nhân viên công ty tham gia học và thi chứng chỉ hành nghề chứng khoán, có chế độ hỗ trợ chi phí và thời gian học tập.

4. Kế hoạch trong tương lai

Công ty Chứng khoán Nhật Bản chính thức thực hiện phiên giao dịch đầu tiên từ ngày 01/07/2009. Từ đó đến nay, sau gần 8 năm hoạt động, do sự khác biệt về cách thức giao dịch của các nhà đầu tư Nhật Bản (đầu tư lâu dài, không đầu cơ) khiến cho giá trị giao dịch cũng như kết quả kinh doanh không đạt được mức như các cổ đông kỳ vọng. Mặc dù Công ty cũng đã thực hiện việc mở rộng sang cả thị trường Việt Nam, nhưng do các điều kiện về vốn không đáp ứng được nhu cầu thị trường cũng như đội ngũ nhân sự chưa đủ năng lực để quản trị rủi ro một cách hiệu quả, do đó JSI đã gặp một số rủi ro liên quan đến dịch vụ giao dịch ký quỹ và làm Công ty bị thua lỗ như hiện tại.

Tuy vậy, kỳ vọng của các cổ đông phía Nhật Bản vào thị trường chứng khoán Việt Nam cho đến nay là không đổi. Mục đích khởi thủy khi thành lập JSI là tạo ra một công ty điều hành bởi thể chế Nhật Bản, hoạt động theo tiêu chí Nhật Bản cũng như dành riêng cho các nhà đầu tư Nhật Bản, cho đến nay mục tiêu này vẫn được duy trì và vẫn luôn được Ban Giám đốc Công ty lấy làm tôn chỉ hoạt động.

Do vậy, các cổ đông phía Nhật Bản cũng như Ban Giám đốc Công ty đã tìm kiếm phương hướng khác, một mặt, vẫn đảm bảo duy trì mục tiêu khởi thủy khi thành lập JSI là tạo ra một sân chơi trên thị trường chứng khoán Việt Nam dành riêng cho các

nhà đầu tư đến từ Nhật Bản, mặt khác, vẫn đảm bảo giá trị lợi ích cho các cổ đông khi đầu tư vào JSI.

Theo đó, tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2017, Ban Giám đốc trình Đại hội đồng Cổ đông kế hoạch sáp nhập giữa Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhật Bản và một công ty chứng khoán khác tại Việt Nam.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: Không có
6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty:
 - a. *Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...):* không
 - b. *Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:* Mặc dù Công ty bị lỗ năm 2016, kết quả kinh doanh không đạt như kỳ vọng của Đại hội đồng Cổ đông và Ban Lãnh đạo Công ty, JSI vẫn luôn cố gắng đảm bảo các vấn đề liên quan đến lợi ích của người lao động. Các chế độ chính sách được thực hiện đầy đủ, các hoạt động đào tạo và ngoại khóa vẫn được công ty tổ chức, nhằm đảm bảo sức khỏe thể chất và tinh thần cho đội ngũ nhân viên toàn Công ty.
 - c. *Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương:* JSI luôn ý thức về việc đóng góp vào sự phát triển chung của địa phương. Mặc dù chưa có đủ điều kiện kinh tế để góp sức vào các chương trình lớn, nhưng JSI luôn cố gắng ủng hộ một phần nhỏ vào các hoạt động được địa phương phát động để phục vụ cộng đồng.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:

Năm 2016, kết quả kinh doanh của JSI lại tiếp tục báo lỗ. Nhận định của Hội đồng Quản trị về các lý do cụ thể như sau:

- Đối với mảng khách hàng Nhật Bản:
 - Các nhà đầu tư Nhật Bản có phong cách và định hướng đầu tư chắc nhưng chậm, họ đầu tư giá trị thay vì đầu cơ, nếu xét về mặt giá trị giao dịch đem lại thì không nhiều.
 - Các nhà đầu tư Nhật Bản đã rất kỳ vọng vào việc nới room của thị trường. Tuy nhiên thực tế cho thấy dù qui định của Chính phủ đã có, nhưng những công ty nới room trong năm 2016 lại không phải là những công ty mà họ kỳ vọng. Thị trường

chứng khoán Việt Nam không có nhiều những công ty lớn, uy tín và đáp ứng được tiêu chí do các nhà đầu tư Nhật Bản đề ra. Năm 2016, khi Vinamilk được nói room, giá trị giao dịch từ nhóm khách hàng Nhật Bản tại JSI đã có mức tăng trưởng đáng kể. Tuy nhiên, ngoài Vinamilk hay Sabeco, các nhà đầu tư Nhật Bản còn kỳ vọng những công ty lớn khác như FPT nhưng thực sự thị trường chưa đáp ứng được.

- Các qui định về việc thoái vốn của Việt Nam còn rất nhiều bất cập. Các nhà đầu tư Nhật Bản, nhất là các nhà đầu tư cá nhân còn khá e ngại về việc đầu tư sang thị trường Việt Nam do các qui định phức tạp đi kèm.
- Theo qui định của Việt Nam hiện nay, các nhà đầu tư người nước ngoài không được sử dụng các dịch vụ tài chính như giao dịch ký quỹ hoặc ứng trước tiền bán chứng khoán. Nếu như đối với mảng khách hàng nội địa, phần doanh thu từ các dịch vụ tài chính cũng tương đương với phần doanh thu từ dịch vụ môi giới, thì JSI hoàn toàn không có phần doanh thu này từ mảng khách hàng nước ngoài.

- Đối với mảng khách hàng nội địa:

- Với qui mô vốn nhỏ, JSI thực sự đã gặp rất nhiều khó khăn trong việc đáp ứng các yêu cầu của nhà đầu tư nội địa. Nếu là các nhà đầu tư chuyên nghiệp, khách hàng người Việt luôn kỳ vọng vào dịch vụ giao dịch ký quỹ. JSI không đủ khả năng đáp ứng việc cung cấp những khoản vay có giá trị lớn cho những khách hàng VIP. Mặc dù đã đưa ra mức lãi suất margin cạnh tranh nhất trên thị trường, nhưng điều đó không đủ để lôi kéo và giữ chân những khách hàng có giá trị đầu tư cao.
- Mặc dù Ban điều hành JSI luôn đề cao công tác quản trị rủi ro và kiểm soát nội bộ, tuy nhiên không tránh được những rủi ro. Khách hàng Việt Nam thường đề xuất những mã chứng khoán có mức độ rủi ro cao và kỳ vọng lãi suất margin thấp. Số liệu trên báo cáo kế toán quản trị nội bộ cho thấy sự không tương xứng giữa doanh thu đem lại, chi phí bỏ ra cùng mức độ rủi ro đi kèm, do vậy, Hội đồng Quản trị đã phê duyệt đề xuất của Ban Giám đốc về việc dùng margin. Điều này cũng có nghĩa là các nhà đầu tư nội địa sẽ chuyển sang các công ty chứng khoán khác, chỉ còn lại một số ít nhà đầu tư sử dụng tiền mặt với giá trị giao dịch không đáng kể, và phần doanh thu từ mảng khách hàng nội địa gần như sẽ về 0.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty:

Mặc dù vấn đề nhân sự và công tác quản trị doanh nghiệp đã được Ban Giám đốc chú trọng thay đổi và cải thiện, nhưng kết quả kinh doanh vẫn không đạt được kỳ vọng của Đại hội đồng Cổ đông, thậm chí, mức thua lỗ của năm 2016 là mức cao nhất kể từ khi bắt đầu hoạt động. Ban điều hành Công ty thực sự đã không làm tốt vai trò của mình.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

Hội đồng Quản trị đã thống nhất với Ban Giám đốc về việc tìm kiếm một công ty chứng khoán với định hướng phát triển sang các thị trường quốc tế, hệ thống công nghệ thông tin hiện đại và hệ thống quản trị rủi ro vững chắc để sáp nhập, theo đó khắc phục những điểm yếu của JSI.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY (*Tổ chức không phải là tổ chức niêm yết không bắt buộc phải công bố các thông tin tại Mục này*): JSI không phải là công ty niêm yết.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH:

1. Ý kiến kiểm toán:



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Tầng 12A tòa nhà Tổng Công ty 319, số 63 Lê Văn Lương
phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam
Tel: (84-4) 3577 0781/ Fax: (84-4) 3577 0787
W: www.vaco.com.vn/ E: vacohn@vaco.com.vn

Số: 102/VACO/BCKT.NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhật Bản

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhật Bản (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 06/02/2017, từ trang 04 đến trang 32, bao gồm Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31/12/2016, Báo cáo kết quả hoạt động, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là "báo cáo tài chính").

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu Báo cáo tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2016, cũng như Báo cáo kết quả hoạt động, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Văn phòng Hồ Chí Minh
Lầu 8, số 159 Điện Biên Phủ
P.15, Q. Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: (84-8) 3840 6618/ Fax: (84-8) 3840 6616

Văn phòng Hải Phòng
499 Quán Toan, P. Quán Toan
Q. Hồng Bàng, Tp. Hải Phòng
Tel: (84-31) 353 4656/ Fax: (84-31) 353 4316

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Vấn đề nhấn mạnh

Như trình bày tại Thuyết minh số 3 của phần Thuyết minh báo cáo tài chính, Báo cáo kiểm toán này được phát hành thay thế cho báo cáo kiểm toán số 007/VACO/BCKT.NV2 ngày 02/02/2017 do Công ty thay đổi chế độ kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác, báo cáo số 50-15/BC-TC/III-VAE ngày 28/02/2016 với ý kiến chấp nhận toàn phần.



Bùi Ngọc Bình
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 0657-2015-156-1

Phạm Xuân Sơn
Kiểm toán viên
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 1450-2013-156-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2017

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN
Tầng 3 và tầng 4, tòa nhà Viglacera - Exim
Số 2 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội

MẪU SỐ B01 - CTCK
Ban hành kèm theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

					Đơn vị: VND	
CHỈ TIÊU	MA số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm		
				(Trình bày lại)		
TÀI SẢN						
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 130)	100		32.219.655.930	45.752.778.999		
I. Tài sản tài chính	110		31.260.183.656	44.918.808.312		
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	111	5	6.010.860.615	169.681.229		
1.1. Tiền	111.1		6.010.860.615	169.681.229		
2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	112	7	-	5.796.914.446		
3. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	113	8	15.500.000.000	18.200.000.000		
4. Các khoản cho vay	114	9	10.148.863.455	19.592.842.865		
5. Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	116	10	(1.263.635.448)	(189.230.010)		
6. Các khoản phải thu	117	11	163.088.811	918.221.204		
6.1. Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	117.2		163.088.811	918.221.204		
6.1.1. Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	117.4		163.088.811	918.221.204		
7. Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	119	11	637.981.209	376.153.360		
8. Các khoản phải thu khác	122	11	63.025.014	114.509.195		
9. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	129		-	(60.283.977)		
II. Tài sản ngắn hạn khác (130 = 133 => 136)	130		959.472.274	833.970.687		
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	133	12	613.946.037	494.146.950		
2. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	134		48.904.000	43.201.500		
3. Thuế và các khoản phải thu nhà nước	136	16	296.622.237	296.622.237		
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 220 + 250)	200		1.223.737.387	1.409.053.692		
I. Tài sản cố định	220		47.836.012	313.399.066		
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	-	123.704.647		
- Nguyên giá	222		1.710.271.124	2.823.612.955		
- Giá trị hao mòn lũy kế	223.a		(1.710.271.124)	(2.699.908.308)		
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	47.836.012	189.694.419		
- Nguyên giá	228		2.489.892.220	2.489.892.220		
- Giá trị hao mòn lũy kế	229.a		(2.442.056.208)	(2.300.197.801)		
II. Tài sản dài hạn khác	250		1.175.901.375	1.095.654.626		
1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	251		70.024.388	70.024.388		
2. Chi phí trả trước dài hạn	252	12	-	72.770.832		
3. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	254	15	1.105.876.987	952.859.406		
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		33.443.393.317	47.161.832.691		

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN
Tầng 3 và tầng 4, tòa nhà Viglacera - Exim
Số 2 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội

MÃ SỐ B01 - CTCK
Ban hành kèm theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
C. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310)	300		2.660.751.055	11.969.710.630
1. Nợ phải trả ngắn hạn	310		2.660.751.055	11.969.710.630
1. Vay và nợ thuê tài sản tài chính ngắn hạn	311		-	10.867.003.622
1.1. Vay ngắn hạn	312		-	10.867.003.622
2. Phải trả người bán ngắn hạn	320		4.290.000	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322	16	140.961.690	142.639.317
4. Phải trả người lao động	323		720.614.105	-
5. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	324		3.490.000	-
6. Chi phí phải trả ngắn hạn	325	17	345.855.500	958.503.663
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	329	18	1.445.539.760	1.564.028
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		30.782.642.262	35.192.122.061
I. Vốn chủ sở hữu	410	19	30.782.642.262	35.192.122.061
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		41.000.000.000	41.000.000.000
1.1. Vốn góp của chủ sở hữu	411.1		41.000.000.000	41.000.000.000
a. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411.1a		41.000.000.000	41.000.000.000
2. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	415		325.801.831	325.801.831
3. Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	416		344.013.296	344.013.296
4. Lợi nhuận chưa phân phối	417		(10.887.172.865)	(6.477.693.066)
4.1. Lợi nhuận đã thực hiện	417.1		(10.887.172.865)	(6.477.693.066)
TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU (440 = 300 + 400)	440		33.443.393.317	47.161.832.691

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN
Tầng 3 và tầng 4, tòa nhà Viglacera - Exim
Số 2 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội

MẪU SỐ B01 - CTCK
Ban hành kèm theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	Mã Số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
A. TÀI SẢN CỦA CTCK VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT				
1. Ngoại tệ các loại	005			
- USD			308,60	322,06
- JPY			1.810.154	396.726
2. Cổ phiếu đang lưu hành	006		4.100.000	4.100.000
3. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của CTCK	012		-	517.800

Chỉ tiêu	Mã Số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
----------	-------	-------------	-------------	-------------------------------

B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG				
1. Tài sản tài chính niêm yết đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư	021	20	213.663.860.000	206.584.570.000
a. Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	021.1		212.170.090.000	201.780.310.000
b. Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng	021.2		341.170.000	132.000.000
c. Tài sản tài chính chờ thanh toán	021.5		1.152.600.000	4.672.260.000
2. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	022	21	522.360.000	484.020.000
a. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	022.1		522.360.000	484.020.000
3. Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư	023	22	31.287.100.000	2.866.800.000
4. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của Nhà đầu tư	024.b	23	30.687.046.200	35.294.426.400

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN
Tầng 3 và tầng 4, tòa nhà Viglacera - Exim
Số 2 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội

MÃ SỐ B01 - CTCK
Ban hành kèm theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã Số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG				
5. Tiền gửi của khách hàng	026	24	55.918.477.026	10.004.389.887
5.1. Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	027		5.025.015.715	4.699.255.951
5.2. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	029		50.890.538.966	5.296.309.936
a. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư trong nước (bao gồm quỹ cọc đầu gửi)	029.1		50.806.446.522	5.035.784.936
b. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư nước ngoài	029.2		84.092.444	260.525.000
5.3. Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán	030		2.922.345	8.824.000
6. Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031	25	55.915.554.681	9.995.565.887
6.1. Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031.1		55.831.462.237	9.735.040.887
6.2. Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031.2		84.092.444	260.525.000
7. Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	035		2.922.345	8.824.000



Aisun Hô, Hoàng Vũ
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 06 tháng 02 năm 2017

Nguyễn Thị Thu Trang
Phụ trách kế toán

Nguyễn Thị Như Lê
Người lập biểu

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN
Tầng 3 và tầng 4, tòa nhà Viglacera - Exim
Số 2 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội

MẪU SỐ B02 - CTCK
Ban hành kèm theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG				
1.1 Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	01		21.077.724	327.473.023
<i>a. Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL</i>	<i>01.1</i>	<i>26</i>	<i>21.077.724</i>	<i>327.473.023</i>
1.2 Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	02	27	786.263.175	864.048.889
1.3 Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	03	27	1.566.746.677	2.654.751.258
1.4 Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	06		7.266.239.409	7.650.961.482
1.5 Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	08		737.454.000	699.347.900
1.6 Doanh thu lưu ký chứng khoán	09		186.610.208	162.886.690
1.7 Thu nhập hoạt động khác	11		-	8.914.713
Cộng doanh thu hoạt động (20 = 01 => 11)	20		10.564.391.193	12.368.383.955
II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG				
2.1 Lỗ từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	21		25.589.788	45.498.148
<i>a. Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL</i>	<i>21.1</i>	<i>26</i>	<i>25.589.788</i>	<i>45.498.148</i>
2.2 Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay	24		1.554.981.567	336.571.941
2.3 Chi phí môi giới chứng khoán	27	28	7.826.007.569	6.958.841.269
2.4 Chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	29	28	1.159.770.188	2.010.605.876
2.5 Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	30	28	166.710.394	115.685.514
2.6 Chi phí các dịch vụ khác	32	28	33.595.600	-
Cộng chi phí hoạt động (40 = 21 => 32)	40		10.766.655.106	9.467.202.748
III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
3.1 Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	41	29	41.802.298	48.474.949
3.2 Doanh thu, dự thu có tức, lãi tiền gửi ngân hàng không có định	42	29	155.744.550	170.913.323
Cộng doanh thu hoạt động tài chính (50 = 41 => 42)	50		197.546.848	219.388.272
IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH				
4.1 Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	51		45.085.047	40.711.951
Cộng chi phí tài chính (60 = 51)	60		45.085.047	40.711.951
V. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	62	30	4.974.330.805	6.509.988.361
VI. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (70 = 20 + 50 - 40 - 60 - 61 - 62)	70		(5.024.132.917)	(3.430.130.833)

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN
Tầng 3 và tầng 4, tòa nhà Viglacera - Exim
Số 2 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội

MẪU SỐ B02 - CTCK
Ban hành kèm theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (Tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
VII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC				
7.1 Thu nhập khác	71		697.005.998	8.300.006
7.2 Chi phí khác	72		82.352.880	-
Cộng kết quả hoạt động khác (80 = 71 - 72)	80		614.653.118	8.300.006
VIII. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ (90 = 70 + 80)	90		(4.409.479.799)	(3.421.830.827)
8.1 Lợi nhuận đã thực hiện	91		(4.409.479.799)	(3.421.830.827)
IX. CHI PHÍ THUẾ TNDN	100		-	-
9.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành	100.1	31	-	-
9.2 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	100.2		-	-
X. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN (200 = 90 - 100)	200		(4.409.479.799)	(3.421.830.827)
11.1 Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Đồng/ 1 cổ phiếu)	501	32	(1.075)	(835)



Aisubiko Haruyama
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 06 tháng 02 năm 2017

Nguyễn Thị Thu Trang
Phụ trách kế toán

Nguyễn Thị Như Lê
Người lập biểu

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN
Tầng 3 và tầng 4, tòa nhà Viglacera - Exim
Số 2 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội

MẪU SỐ B03 - CTCK
Ban hành kèm theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp	01	(4.409.479.799)	(3.421.830.827)
2. Điều chỉnh cho các khoản:	02	657.695.765	(4.360.426.261)
- Khấu hao TSCĐ	03	219.173.812	425.980.865
- Các khoản dự phòng	04	1.074.405.438	(4.786.407.126)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	7	(635.883.485)	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	30	19.777.694.315	(4.580.413.997)
- Tăng (giảm) tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	31	5.796.914.446	418.481.579
- Tăng (giảm) các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	32	2.700.000.000	(18.200.000.000)
- Tăng (giảm) các khoản cho vay	33	9.443.979.410	7.243.246.724
- (-) Tăng, (+) giảm phải thu và dự thu cố tức, tiền lãi các tài sản tài chính	36	755.132.393	(855.782.222)
- (-) Tăng, (+) giảm phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	37	(322.111.826)	33.613.944
- (-) Tăng, (+) giảm phải thu về khác	39	51.484.181	6.760.124.567
- Tăng (giảm) chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)	41	(612.648.163)	186.129.363
- Tăng (giảm) chi phí trả trước	42	(47.028.255)	(48.516.528)
- Tăng (giảm) phải trả cho người bán	45	4.290.000	-
- Tăng (giảm) các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	46	3.490.000	-
- Tăng (giảm) thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (Không bao gồm thuế TNDN đã nộp)	47	(1.677.627)	(107.533.086)
- Tăng (giảm) phải trả người lao động	48	720.614.105	(177.806.000)
- Tăng (giảm) phải trả, phải nộp khác	50	1.443.975.732	481.173.967
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	52	(158.720.081)	(313.546.305)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	<i>60</i>	<i>16.025.910.281</i>	<i>(12.362.671.085)</i>
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác	62	682.272.727	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<i>70</i>	<i>682.272.727</i>	<i>-</i>

168.5
NG T
NHH
A TO
A C
PHỔ

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN
Tầng 3 và tầng 4, tòa nhà Viglacera - Exim
Số 2 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội

MÃU SỐ B03 - CTCK
Ban hành kèm theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền vay gốc	73	119.832.294.284	261.618.364.611
1.1. Tiền vay khác	73.2	119.832.294.284	261.618.364.611
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	74	(130.699.297.906)	(259.707.860.989)
2.1. Tiền chi trả gốc nợ vay khác	74.3	(130.699.297.906)	(259.707.860.989)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	80	(10.867.003.622)	1.910.503.622
IV. Tăng/giảm tiền thuần trong năm	90	5.841.179.386	(10.452.167.463)
V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	101	169.681.229	10.621.848.692
- Tiền	101.1	169.681.229	10.621.848.692
VI. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	103	6.010.860.615	169.681.229
- Tiền	103.1	6.010.860.615	169.681.229



Atsubiko Haruyama
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 06 tháng 02 năm 2017

Nguyễn Thị Thu Trang
Phụ trách kế toán

Nguyễn Thị Như Lê
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN
Tầng 3 và tầng 4, tòa nhà Viglacera - Exim
Số 2 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội

MẪU SỐ B03 - CTCK
Ban hành kèm theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	
		(Trình bày lại)	
I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng			
1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng	01	582.427.668.300	738.465.541.800
2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng	02	(597.937.346.300)	(718.954.353.500)
3. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	07	824.177.401.734	756.172.352.641
4. Chi trả thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	08	(762.561.124.732)	(777.568.600.789)
5. Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng	11	(186.610.208)	(162.886.690)
6. Tiền thu của tổ chức phát hành chứng khoán	14	14.093.911.925	14.951.063.564
7. Tiền chi trả tổ chức phát hành chứng khoán	15	(14.099.813.580)	(14.942.239.564)
<i>Tăng/giảm tiền thu trong kỳ</i>	<i>20</i>	<i>45.914.087.139</i>	<i>(2.039.122.538)</i>
II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ của khách hàng	30	10.004.389.887	12.043.512.425
- Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	32	4.699.255.951	6.470.891.167
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	34	5.296.309.936	5.572.621.258
- Tiền gửi của Tổ chức phát hành	35	8.824.000	-
III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ của khách hàng (40 = 20 + 30)	40	55.918.477.026	10.004.389.887
- Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	42	5.025.015.715	4.699.255.951
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	44	50.890.538.966	5.296.309.936
- Tiền gửi của Tổ chức phát hành	45	2.922.345	8.824.000



Atsuhiko Haruyama
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 06 tháng 02 năm 2017

Nguyễn Thị Thu Trang
Phụ trách kế toán

Nguyễn Thị Như Lê
Người lập biểu

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN
 Tầng 3 và tầng 4, tòa nhà Viglacera - Exim
 Số 2 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội

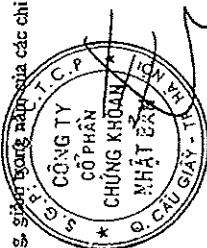
MẪU SỐ B04 - CTCK
 Ban hành kèm theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
 ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Đơn vị: VND

Chi tiêu	Thuyết minh	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm		Số dư cuối năm	
		Năm trước	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	Năm nay
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	19	41.000.000.000	41.000.000.000			41.000.000.000	41.000.000.000
2. Quỹ dự phòng tài chính và nhi ro nghiệp vụ	19	325.801.831	325.801.831			325.801.831	325.801.831
3. Các Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	19	344.013.296	344.013.296			344.013.296	344.013.296
4. Lợi nhuận chưa phân phối	19	(3.055.862.239)	(6.477.693.066)	Tăng	(4.409.479.799)	(6.477.693.066)	(10.887.172.865)
Tổng vốn chủ sở hữu	19	38.613.952.888	35.192.122.061	Giảm	(3.421.830.827)	35.192.122.061	30.782.642.762

Chi tiết tăng, giảm trong năm của các chi tiêu vốn chủ sở hữu xem tại Thuyết minh số 19.



Atsuhiko Haruyama
 Tổng Giám đốc
 Hà Nội, ngày 06 tháng 02 năm 2017

[Signature]

Nguyễn Thị Thu Trang
 Phụ trách kế toán

[Signature]

Nguyễn Thị Như Lê
 Người lập biểu



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN
Tầng 3 và tầng 4, tòa nhà Viglacera - Exim
Số 2 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội

MẪU SỐ B09 - CTCK
Ban hành kèm theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhật Bản (tiền thân là Công ty Cổ phần Chứng khoán Hoa Anh Đào ("Công ty") được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 103/UBCK-GP ngày 16/01/2009 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và các Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động Công ty Chứng khoán. Theo đó, vốn điều lệ của Công ty là 41.000.000.000 đồng.

Địa chỉ liên hệ: Tầng 3 và tầng 4, tòa nhà Viglacera - Exim, số 2 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội.

Điều lệ Công ty được ban hành vào ngày 13 tháng 04 năm 2013.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2016 là 27 người (tại ngày 01/01/2016 là 38 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Môi giới chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động, lưu chuyển tiền tệ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo này được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

Các bên liên quan

Các bên liên quan của Công ty gồm:

- Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc của Công ty.
- Công ty TNHH Đầu tư Tanamark: Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN HIỆN HÀNH

Ngày 30/12/2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2014/TT-BTC ("Thông tư 210") hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán. Thông tư 210 có hiệu lực áp dụng cho năm tài chính bắt đầu hoặc sau ngày 01/01/2016. Những quy định trái với Thông tư này đều bãi bỏ. Thông tư 210 thay thế Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20/10/2010 về hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán. Thông tư 210 đưa ra các quy định liên quan đến chứng từ kế toán, hệ thống tài khoản kế toán cũng như phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính của công ty chứng khoán.

S46
ON
TN
EM
VA
4 P

S46
CA
HUS
QHH
LH

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN
Tầng 3 và tầng 4, tòa nhà Viglacera - Exim
Số 2 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội

MẪU SỐ B09 - CTCK
Ban hành kèm theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

3.1 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN HIỆN HÀNH (Tiếp theo)

Ngày 27/12/2016, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 334/2016/TT-BTC ("Thông tư 334") sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán. Thông tư 334 đã hướng dẫn hệ thống tài khoản kế toán, mẫu và giải thích báo cáo tài chính, giải thích nội dung, kết cấu của tài khoản kế toán. Thông tư 334, có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01/01/2016. Ban Giám đốc đã áp dụng Thông tư 334 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 của Công ty.

Những thay đổi và hướng dẫn quan trọng do áp dụng Thông tư 210 và Thông tư 334 như sau:

- (i) Thay đổi tên và hình thức các báo cáo tài chính: Bảng cân đối kế toán được đổi tên thành báo cáo tình hình tài chính; báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh được đổi tên thành báo cáo kết quả hoạt động; báo cáo lưu chuyển tiền tệ hoạt động mới giới ủy thác của khách hàng được trình bày riêng như một phần của các báo cáo tài chính.
- (ii) Tài sản tài chính được phân thành bốn loại là: Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ, tài sản tài chính sẵn sàng để bán, tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn và các khoản cho vay.
- (iii) Quản lý tách biệt tài sản và công nợ của công ty chứng khoán và của nhà đầu tư trên các khoản mục tiền gửi, chứng khoán và các khoản phải trả.
- (iv) Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL): Được ghi nhận theo giá trị hợp lý trên báo cáo tình hình tài chính của công ty chứng khoán và chênh lệch đánh giá lại phát sinh sẽ được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí từ tài sản tài chính FVTPL trên báo cáo thu nhập toàn diện của công ty chứng khoán.
- (v) Các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS): Được ghi nhận theo giá trị hợp lý và mọi khoản lãi hoặc lỗ phát sinh từ một tài sản tài chính AFS khi đánh giá theo giá trị hợp lý sẽ được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu, ngoại trừ các khoản lỗ do suy giảm giá trị tài sản tài chính AFS.
- (vi) Các tài sản tài chính giữ đến ngày đáo hạn (HTM): Được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.
- (vii) Các khoản cho vay: Được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Tuy nhiên, Luật Kế toán hiện hành chưa cho phép áp dụng nguyên tắc giá trị hợp lý, nên các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý được trình bày trong báo cáo tài chính 2016 của Công ty vẫn đang được ghi nhận theo giá gốc trừ các khoản dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính so với giá mua (nếu có).

Thông tư 210 và Thông tư 334 có hiệu lực thi hành từ năm tài chính 2016, riêng các quy định về giá trị hợp lý có hiệu lực khi Luật Kế toán số 88/2015/QH13 có hiệu lực ngày 01/01/2017.

Công ty đã áp dụng các thay đổi hướng dẫn kế toán mới theo hai thông tư này. Theo đó, một số số liệu của Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 01/01/2016, Báo cáo kết quả hoạt động và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 đã được trình bày lại với mục đích so sánh.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán

Công ty thực hiện kế toán trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam có liên quan, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các hướng dẫn kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán ban hành theo Thông tư 210 và Thông tư 334.

3.2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN MỚI BAN HÀNH NHƯNG CHƯA CÓ HIỆU LỰC

Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ("Luật Kế toán mới") đã được Quốc hội thông qua ngày 20/11/2015. Luật Kế toán mới bổ sung thêm quy định về chứng từ điện tử, đồng thời đưa ra quy định về việc áp dụng nguyên tắc giá trị hợp lý đối với một số tài khoản và nợ phải trả mà giá trị của chúng biến động thường xuyên và có thể xác định một cách đáng tin cậy. Luật Kế toán mới có hiệu lực từ ngày 01/01/2017.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN
Tầng 3 và tầng 4, tòa nhà Viglacera - Exim
Số 2 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội

MẪU SỐ B09 - CTCK
Ban hành kèm theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giá định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giá định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Tiền ký quỹ của nhà đầu tư

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán phản ánh các khoản đặt cọc ủy thác của nhà đầu tư chứng khoán tại ngân hàng chỉ định cho mục đích thực hiện các giao dịch chứng khoán. Khoản tiền này đang được trình bày tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính.

Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán

Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán phản ánh các khoản ký quỹ cho việc thực hiện các giao dịch xóa lệnh và khớp lệnh tại các Sở giao dịch chứng khoán và Trung tâm Lưu ký chứng khoán.

Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

Các tài sản tài chính FVTPL là tài sản tài chính thỏa mãn một trong số các điều kiện sau:

- (i) Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - Được mua hoặc tạo ra chủ yếu do mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn;
 - Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- (ii) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính xác định sẽ được trình bày hợp lý hơn nếu phân loại vào tài sản tài chính FVTPL vì một trong các lý do sau đây:
 - Việc phân loại vào các tài sản tài chính FVTPL loại trừ hoặc làm giảm đáng kể sự không thống nhất trong ghi nhận hoặc xác định giá trị tài sản tài chính theo các cơ sở khác nhau.
 - Tài sản tài chính thuộc một nhóm các tài sản tài chính được quản lý và kết quả quản lý được đánh giá dựa trên cơ sở giá trị đồng thời phù hợp với chính sách quản lý rủi ro hoặc chiến lược đầu tư của Công ty.

Các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được tiếp tục ghi nhận sau ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính FVTPL do Luật Kế toán mới có hiệu lực từ ngày 01/01/2017 chưa cho phép áp dụng nguyên tắc giá trị hợp lý.

Khoản dự phòng suy giảm so với giá gốc (được xác định bằng chênh lệch giữa giá thị trường của các tài sản tài chính FVTPL theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 06/10/2014 về việc hướng dẫn chế độ tài chính cho công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ) được ghi nhận vào báo kết quả hoạt động.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN
Tầng 3 và tầng 4, tòa nhà Viglacera - Exim
Số 2 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội -

MÃU SỐ B09 - CTCK
Ban hành kèm theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) (Tiếp theo)

Giá xuất của các tài sản tài chính này ghi nhận thông qua lãi/lỗ xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Chi phí mua các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận vào chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính của báo cáo kết quả hoạt động ngay khi phát sinh.

Tài sản tài chính giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

Các tài sản tài chính HTM là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả thu nhập;
- Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán;
- Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các tài sản tài chính HTM được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được tiếp tục ghi nhận sau ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính HTM.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các tài sản tài chính phi phái sinh có các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường chứng khoán, ngoại trừ:

- Các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và cũng như các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động;
- Các khoản được Công ty phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Các khoản cho vay được thực hiện bao gồm hợp đồng giao dịch ký quỹ và hợp đồng ứng trước tiền bán chứng khoán. Các khoản cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được tiếp tục ghi nhận sau ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay.

Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp

Kết thúc kỳ kế toán, Công ty phải đánh giá dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp. Việc đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý được thực hiện theo phương pháp xác định giá trị phù hợp với quy định pháp luật. Trong trường hợp không có giá trị thị trường tại ngày giao dịch gần nhất, Công ty được sử dụng giá trị hợp lý để đánh giá lại các tài sản tài chính. Giá trị hợp lý được xác định trên cơ sở tôn trọng nguyên tắc, phương pháp hoặc mô hình lý thuyết định giá tài sản tài chính đã được Ban Giám đốc chấp thuận.

Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa bình quân tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại.

Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập Báo cáo tình hình tài chính gần nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN
Tầng 3 và tầng 4, tòa nhà Viglacera - Exim
Số 2 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội

MẪU SỐ B09 - CTCK
Ban hành kèm theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp (Tiếp theo)

Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (OTC) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường làm cơ sở để đánh giá lại là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của ba (03) công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm đánh giá lại nhưng không quá một tháng tính đến ngày đánh giá lại.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và công nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần được trình bày trên Báo cáo tình hình tài chính khi Công ty có quyền hợp pháp thực hiện bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuận hoặc thu được các tài sản và thanh toán các khoản nợ phải trả đồng thời.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ phải thu khó đòi

Tất cả các khoản phải thu và dự thu về cổ tức, tiền lãi của các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty phát sinh trong kỳ đều được theo dõi tại chỉ tiêu "Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính" trên báo cáo tình hình tài chính.

Các khoản phải thu được ghi nhận theo giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác cùng dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên-giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử (nếu áp dụng).

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

Số năm khấu hao

Thiết bị, dụng cụ văn phòng

03

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình là giá trị của các chương trình phần mềm phục vụ hoạt động kinh doanh, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 03 năm.

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán bao gồm khoản tiền phải trả các tổ chức cung cấp các dịch vụ mua bán các tài sản tài chính của Công ty hoặc của khách hàng qua Sở giao dịch chứng khoán và Công ty với tư cách là thành viên.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN
Tầng 3 và tầng 4, tòa nhà Viglacera - Exim
Số 2 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội

MÃU SỐ B09 - CTCK
Ban hành kèm theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Các khoản vay

Các khoản vay được công bố và trình bày theo số dư gốc tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn góp thực tế của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối sau khi trích lập các quỹ theo quy định của pháp luật và điều lệ công ty sẽ được phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cầu một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Doanh thu

- **Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán:**
Là khoản phí giao dịch chứng khoán mà Công ty được hưởng từ các hoạt động môi giới kinh doanh chứng khoán cho nhà đầu tư được xác định khi dịch vụ môi giới hoàn thành.
- **Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ:**
Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ bao gồm các khoản chênh lệch lãi bán và giá vốn theo số lượng các Tài sản tài chính PVTPL đã bán ra.
- **Doanh thu nghiệp vụ tư vấn chứng khoán:**
Doanh thu từ hoạt động tư vấn được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh khi hoàn thành dịch vụ và khách hàng chấp nhận thanh toán.
- **Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán:**
Doanh thu từ dịch vụ lưu ký chứng khoán cho nhà đầu tư của Công ty được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh là khoản phí lưu ký chứng khoán thu được của nhà đầu tư có chứng khoán gửi lưu ký chứng khoán ở Trung tâm Lưu ký chứng khoán được xác định vào cuối mỗi tháng.
- **Lãi từ các khoản cho vay và phải thu**
Là khoản phí chứng khoán mà công ty chứng khoán được hưởng từ hoạt động giao dịch ký quỹ và hoạt động ứng trước tiền bán chứng khoán cho nhà đầu tư được xác định khi dịch vụ hoàn thành.
- **Thu nhập hoạt động khác:**
Doanh thu khác bao gồm doanh thu từ các hợp đồng hợp tác đầu tư chứng khoán và doanh thu khác. Các khoản này được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh trên cơ sở dồn tích.

Doanh thu hoạt động tài chính

Bao gồm lãi chênh lệch tỷ giá và lãi tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Chi phí quản lý công ty chứng khoán

Bao gồm các chi phí lương, vật tư văn phòng, thuế phí lệ phí, chi phí dịch vụ mua ngoài và các chi phí bằng tiền khác phục vụ cho hoạt động quản lý của Công ty.

254
C
T
I
E
M
V
A
H
P

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN
Tầng 3 và tầng 4, tòa nhà Viglacera - Exim
Số 2 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội

MẪU SỐ B09 - CTCK
Ban hành kèm theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo thu nhập toàn diện. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Báo cáo tình hình tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Tại ngày 31/12/2016, Công ty còn khoản lỗ của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 và 31/12/2015 lần lượt là 3.058.622.908 đồng và 3.421.830.827 đồng có thể sử dụng để chuyển lỗ vào các năm tiếp theo, nhưng không quá 5 năm kể từ năm phát sinh lỗ. Tuy nhiên, Công ty không ghi nhận thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ khoản chuyển lỗ này do Công ty không chắc chắn về kế hoạch lợi nhuận trong tương lai.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
	VND	VND
Tiền mặt	14.847.000	-
Tiền gửi ngân hàng	5.996.013.615	169.681.229
	<u>6.010.860.615</u>	<u>169.681.229</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN
Tầng 3 và tầng 4, tòa nhà Viglacera - Exim
Số 2 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội

MÃ SỐ B09 - CTCK
Ban hành kèm theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

6. KHỐI LƯỢNG VÀ GIÁ TRỊ THỰC HIỆN GIAO DỊCH TRONG NĂM

	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm	Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm
	Cổ phiếu	VND
a) Cửa công ty chứng khoán	517.800	5.777.295.236
- Cổ phiếu	517.800	5.777.295.236
b) Cửa nhà đầu tư	145.881.110	2.571.735.906.474
- Cổ phiếu	145.881.110	2.571.735.906.474
	146.398.910	2.577.513.201.710

7. TÀI SẢN TÀI CHÍNH GHI NHẬN THÔNG QUA LÃI LỖ

	Số cuối năm		Số đầu năm (Trình bày lại)	
	Giá gốc	Giá gốc và dự phòng	Giá gốc	Giá gốc và dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	-	-	5.796.914.446	5.607.684.436
Tài sản tài chính FVTPL khác (i)	-	-	5.796.914.446	5.607.684.436

Ghi chú:

(i) Số dư tại ngày 01/01/2016 là số dư theo hợp đồng quản lý danh mục đầu tư giữa Công ty và Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Đầu tư chứng khoán Bản Việt.

8. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
	VND	VND
Ngắn hạn	15.500.000.000	18.200.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng đến 1 năm (i)	15.500.000.000	18.200.000.000
	15.500.000.000	18.200.000.000

Ghi chú:

(i) Bao gồm tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại với kỳ hạn từ 3 đến 6 tháng. Tại ngày 31/12/2016, có 7,5 tỷ đồng được dùng để bảo đảm cho việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ của Bên cầm cố đối với Ngân hàng phát sinh từ tất cả các hợp đồng tín dụng và/ hoặc các hợp đồng bảo lãnh, văn bản tín dụng được ký kết giữa Ngân hàng và Bên vay.

9. CÁC KHOẢN CHO VAY

	Số cuối năm		Số đầu năm (Trình bày lại)	
	Giá gốc	Giá gốc và dự phòng	Giá gốc	Giá gốc và dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Các khoản cho vay	10.148.863.455	8.885.228.007	19.592.842.865	19.592.842.865
Cho vay hoạt động Margin	9.555.042.922	8.291.407.474	15.454.881.504	15.454.881.504
Cho vay hoạt động ứng trước	593.820.533	593.820.533	4.137.961.361	4.137.961.361

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN
 Tầng 3 và tầng 4, tòa nhà Viglacera - Exim
 Số 2 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội

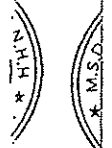
MÃU SỐ B09 - CTCK
 Ban hành kèm theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC
 ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

10. DỰ PHÒNG SUY GIẢM GIÁ TRỊ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN THẾ CHẤP

Đơn vị: VND

STT	Loại TSIC	Số lượng	Cơ sở lập dự phòng năm nay		Giá trị lập dự phòng đầu năm	Giá trị lập dự phòng cuối năm	Mức (trích lập)/hoàn nhập năm nay
			Giá số sách kế toán	Giá trị thị trường tại thời điểm lập BCTC			
I	Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	-	-	-	(189.230.010)	(189.230.010)	189.230.010
I	Tài sản tài chính khác	-	-	-	-	(189.230.010)	189.230.010
II	Tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	-	15.500.000.000	15.500.000.000	-	-	-
	Tiền gửi có kỳ hạn	-	15.500.000.000	15.500.000.000	-	-	-
II	Tài sản tài chính cho vay	-	10.148.863.455	8.885.228.007	(1.263.635.448)	-	(1.263.635.448)
	Các khoản cho vay	-	10.148.863.455	8.885.228.007	(1.263.635.448)	-	(1.263.635.448)
	Cho vay hoạt động Margin	-	9.555.042.922	8.291.407.474	(1.263.635.448)	-	(1.263.635.448)
	Cho vay hoạt động ứng trước tiền bán chứng khoán	-	593.820.533	593.820.533	-	-	-
	Tổng cộng	-	25.648.863.455	24.385.228.007	(1.263.635.448)	(189.230.010)	(1.074.405.438)



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN
Tầng 3 và tầng 4, tòa nhà Viglacera - Exim
Số 2 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội

MÃU SỐ B09 - CTCK
Ban hành kèm theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

11. CÁC KHOẢN PHẢI THU

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	163.088.811	918.221.204
Dự thu tiền lãi - Tiền gửi có kỳ hạn cố định	123.883.562	855.782.222
Dự thu tiền lãi hoạt động giao dịch ký quỹ	38.235.522	54.011.638
Dự thu tiền lãi hoạt động ứng trước tiền bán chứng khoán	969.727	8.427.344
Các khoản phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	637.981.209	376.153.360
Phải thu phí và thuế giao dịch chứng khoán	430.518.502	376.153.360
Phải thu hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp	182.733.000	-
Phải thu phí lưu ký của Nhà đầu tư	24.729.707	-
Các khoản phải thu khác	63.025.014	114.509.195
Các khoản phải thu khác	63.025.014	114.509.195

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Ngắn hạn	613.946.037	494.146.950
Chi phí thuê văn phòng, nhà	242.088.000	242.088.000
Chi phí trả trước khác	371.858.037	252.058.950
Dài hạn	-	72.770.832
Công cụ dụng cụ xuất dùng	-	72.770.832
	<u>613.946.037</u>	<u>566.917.782</u>

13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Phương tiện văn tài VND	Tuyệt bị văn phòng VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu năm	1.113.341.831	1.710.271.124	2.823.612.955
Mua trong năm	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	(1.113.341.831)	-	(1.113.341.831)
Số dư cuối năm	-	1.710.271.124	1.710.271.124
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu năm	989.637.184	1.710.271.124	2.699.908.308
Khấu hao trong năm	77.315.405	-	77.315.405
Thanh lý, nhượng bán	(1.066.952.589)	-	(1.066.952.589)
Số dư cuối năm	-	1.710.271.124	1.710.271.124
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Số dư đầu năm	123.704.647	-	123.704.647
Số dư cuối năm	-	-	-

Nguyên giá các tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2016 là 1.710.271.124 đồng (tại ngày 31/12/2015 là 1.710.271.124 đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN
Tầng 3 và tầng 4, tòa nhà Viglacera - Exim
Số 2 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội

MẪU SỐ B09 - CTCK
Ban hành kèm theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

14. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
Số đầu năm	2.489.892.220	2.489.892.220
Tăng do mua sắm mới	-	-
Số cuối năm	2.489.892.220	2.489.892.220
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số đầu năm	2.300.197.801	2.300.197.801
Khấu hao trong năm	141.858.407	141.858.407
Số cuối năm	2.442.056.208	2.442.056.208
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Số đầu năm	189.694.419	189.694.419
Số cuối năm	47.836.012	47.836.012

Nguyên giá các tài sản cố định vô hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2016 là 2.246.892.220 đồng (tại ngày 31/12/2015 là 1.965.609.220 đồng).

15. TIỀN NỢP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	765.020.213	671.491.275
Tiền lãi phân bổ trong kỳ	220.856.774	161.368.131
	1.105.876.987	952.859.406

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/NỢP NHÀ NƯỚC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a) Phải thu	296.622.237	296.622.237
Thuế TNDN nộp thừa	296.622.237	296.622.237
b) Phải trả	140.961.690	142.639.317
Thuế GTGT	460.000	312.495
Thuế TNCN	99.807.379	115.117.031
Thuế nhà thầu	40.694.311	27.209.791

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí lãi vay phải trả	-	7.734.416
Phí giao dịch, phí lưu ký	74.379.539	52.734.451
Phí dịch vụ kế toán, kiểm toán	131.611.000	-
Chi phí phải trả khác	139.864.961	898.034.796
	345.855.500	958.503.663

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN
Tầng 3 và tầng 4, tòa nhà Viglacera - Exim
Số 2 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội

MÃ SỐ B09 - CTCK
Ban hành kèm theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

18. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ KHÁC

	Số cuối năm	Số cuối năm
	VND	VND
Nhà đầu tư chuyển tiền đặt quyền mua	1.359.183.400	-
Phải trả khác	86.356.360	1.564.028
	<u>1.445.539.760</u>	<u>1.564.028</u>

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	41.000.000.000	325.801.831	344.013.296	(3.055.862.239)	38.613.952.888
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	(3.421.830.827)	(3.421.830.827)
Số dư đầu năm nay	41.000.000.000	325.801.831	344.013.296	(6.477.693.066)	35.192.122.061
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	(4.409.479.799)	(4.409.479.799)
Số dư cuối năm nay	<u>41.000.000.000</u>	<u>325.801.831</u>	<u>344.013.296</u>	<u>(10.887.172.865)</u>	<u>30.782.642.262</u>

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	%	VND	%
Công ty CP Đầu tư và Xuất nhập khẩu Viglacera	4.100.000.000	10,0%	4.100.000.000	10,0%
Công ty Chứng khoán Aizawa	5.945.000.000	14,5%	5.945.000.000	14,5%
Công ty TNHH Japan Asia Securities	5.945.000.000	14,5%	5.945.000.000	14,5%
Công ty TNHH Đầu tư Tanamark	8.200.000.000	20,0%	8.200.000.000	20,0%
Vốn góp của cổ đông khác	16.810.000.000	41,0%	16.810.000.000	41,0%
	<u>41.000.000.000</u>	<u>100%</u>	<u>41.000.000.000</u>	<u>100%</u>

Tình hình phát hành cổ phiếu của Công ty như sau:

	31/12/2016	01/01/2016	
Cổ phiếu phổ thông			
+ Số cổ phiếu được phép phát hành	4.100.000	4.100.000	cổ phiếu
+ Số cổ phiếu đã được phát hành và được góp vốn đầy đủ	4.100.000	4.100.000	cổ phiếu
+ Mệnh giá của cổ phiếu	10.000	10.000	đồng/cổ phiếu
+ Số cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm cuối năm	4.100.000	4.100.000	cổ phiếu

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN
Tầng 3 và tầng 4, tòa nhà Viglacera - Exim
Số 2 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội

MẪU SỐ B09 - CTCK
Ban hành kèm theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

20. TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH TẠI VSD CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	Số cuối năm	Số cuối năm
	VND	VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	212.170.090.000	201.780.310.000
Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng	341.170.000	132.000.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	1.152.600.000	4.672.260.000
	<u>213.663.860.000</u>	<u>206.584.570.000</u>

21. TÀI SẢN TÀI CHÍNH ĐÃ LƯU KÝ TẠI VSD VÀ CHƯA GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	Số cuối năm	Số cuối năm
	VND	VND
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	522.360.000	484.020.000
	<u>522.360.000</u>	<u>484.020.000</u>

22. TÀI SẢN TÀI CHÍNH CHỜ VỀ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

Số dư tài sản tài chính chờ về của nhà đầu tư tại ngày cuối năm và ngày đầu năm lần lượt là 31.287.100.000 đồng và 2.866.800.000 đồng.

23. TÀI SẢN TÀI CHÍNH CHƯA LƯU KÝ TẠI VSD CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

Số dư tài sản tài chính chờ về của nhà đầu tư tại ngày cuối năm và ngày đầu năm lần lượt là 30.687.046.200 đồng và 35.294.426.400 đồng.

24. TIỀN GỬI CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm	Số cuối năm
	VND	VND
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	5.025.015.715	4.699.255.951
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	50.890.538.966	5.296.309.936
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư trong nước	50.806.446.522	5.035.784.936
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư nước ngoài	84.092.444	260.525.000
Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán	2.922.345	8.824.000
	<u>55.918.477.026</u>	<u>10.004.389.887</u>

25. PHẢI TRẢ NHÀ ĐẦU TƯ VỀ TIỀN GỬI GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THEO PHƯƠNG THỨC CTCK QUẢN LÝ

Số dư phải trả nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý tại ngày cuối năm và ngày đầu năm lần lượt là 55.915.554.681 đồng và 9.995.565.887 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN
Tầng 3 và tầng 4, tòa nhà Viglacera - Exim
Số 2 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội

MẪU SỐ B09 - CTCK
Ban hành kèm theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

26. LÃI(LỖ) BÁN CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH

STT	Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán	Tổng giá trị bán	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch	Lãi, lỗ bán chứng khoán năm nay	Lãi, lỗ bán chứng khoán năm trước
	Lãi bán					
L.	Tài sản tài chính FVTPL khác	484.000	5.431.932.000	5.410.854.276	21.077.724	327.473.023
	Tổng cộng	484.000	5.431.932.000	5.410.854.276	21.077.724	327.473.023
	Lỗ bán					
l.	Tài sản tài chính FVTPL khác	33.800	358.246.200	332.656.412	25.589.788	45.498.148
	Tổng cộng	33.800	358.246.200	332.656.412	25.589.788	45.498.148

Tài sản tài chính là các tài sản tài chính theo hợp đồng quản lý danh mục đầu tư giữa Công ty và Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt.

27. CÒ TỨC, TIỀN LÃI PHÁT SINH TỪ FVTPL, CÁC KHOẢN CHO VAY, HTM, AFS

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
	VND	VND
Từ tài sản tài chính HTM (lãi phân bổ)	786.263.175	864.048.889
Từ các khoản cho vay (lãi cho vay)	1.566.746.677	2.654.751.258

28. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
	VND	VND
Chi phí môi giới chứng khoán	7.826.007.569	6.958.841.269
Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	166.710.394	115.685.514
Chi phí hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán	1.159.770.188	2.010.605.876
Chi phí các dịch vụ khác	33.595.600	-

29. DOANH THU TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
	VND	VND
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	41.802.298	48.474.949
Lãi tiền gửi ngân hàng không cố định	155.744.550	170.913.323
	197.546.848	219.388.272

30. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
	VND	VND
Chi phí lương và các khoản khác theo lương	2.988.240.160	3.273.292.174
Chi phí vật tư văn phòng	1.360.000	2.839.584
Chi phí khấu hao TSCĐ	77.315.405	185.556.972
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.837.108.750	2.912.480.970
Chi phí khác	70.306.490	135.818.661
	4.974.330.805	6.509.988.361

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN
Tầng 3 và tầng 4, tòa nhà Viglacera - Exim
Số 2 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội

MÃ SỐ B09 - CTCK
Ban hành kèm theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

31. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	(4.409.479.799)	(3.421.830.827)
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	-	-
Thu nhập chịu thuế	-	-
Thuế suất thông thường	20%	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	-

Kế hoạch chuyển lỗ

Khoản lỗ tính thuế này chưa được cơ quan thuế quyết toán. Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại nào cho khoản lỗ tính thuế này do không chắc chắn về thời điểm thu được lợi nhuận trong tương lai.

Năm phát sinh lỗ tính thuế	Thời gian được chuyển lỗ	Số lỗ phát sinh	Số lỗ đã chuyển	Số lỗ còn được chuyển
2014	2015 - 2019	3.058.622.908	-	3.058.622.908
2015	2016 - 2020	3.421.830.827	-	3.421.830.827
2016	2017 - 2021	4.409.479.799	-	4.409.479.799
Tổng		10.889.933.534	-	10.889.933.534

32. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	(4.409.479.799)	(3.421.830.827)
Điều chỉnh quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
Số lượng cổ phần phổ thông lưu hành bình quân	4.100.000	4.100.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(1.075)	(835)

Công ty đang lỗ lũy kế nên chưa có kế hoạch trích quỹ khen thưởng phúc lợi.

33. CAM KẾT THUẾ HOẠT ĐỘNG

Thuế hoạt động là các khoản thuế vẫn phòng làm việc của Công ty. Chi phí thuế hoạt động đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trong năm là 968.352.000 đồng.

Tại ngày 31/12/2016, Công ty có khoản cam kết thuế hoạt động không lũy ngang với lịch thanh toán như sau:

	Số cuối năm
	VND
Trong vòng một năm tới	968.352.000
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	806.960.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN
Tầng 3 và tầng 4, tòa nhà Viglacera - Exim
Số 2 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội

MẪU SỐ B09 - CTCK
Ban hành kèm theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

34. THÔNG TIN BÁO CÁO BỘ PHẬN

Công ty đã thực hiện theo dõi doanh thu và chi phí theo bộ phận lĩnh vực kinh doanh chính. Tuy nhiên, các khoản chi phí khác trong năm không tách riêng được, do đó Công ty không trình bày thông tin báo cáo theo bộ phận và cho rằng việc không trình bày nội dung này không ảnh hưởng trọng yếu tới việc trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

35. NGHIỆP VỤ VÀ SỞ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các khoản tương, thương của Ban Giám đốc trong năm như sau:

	Năm nay
	VND
Lương, thưởng của Ban Giám đốc	875.729.612
	<u>875.729.612</u>

36. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Các khoản vay	-	10.867.003.622
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	6.010.860.615	169.681.229
Nợ thuần	-	10.697.322.393
Vốn chủ sở hữu	30.782.642.262	35.192.122.061
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	0%	30%

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.010.860.615	169.681.229
Tài sản tài chính FVTPL	-	5.607.684.436
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	15.500.000.000	18.200.000.000
Các khoản cho vay	8.885.228.007	19.592.842.865
Các khoản phải thu, phải thu khác	864.095.034	1.348.599.782
Các khoản ký quỹ	118.928.388	113.225.888
Tổng cộng	<u>31.379.112.044</u>	<u>45.032.034.200</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN
Tầng 3 và tầng 4, tòa nhà Viglacera - Exim
Số 2 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội

MÃU SỐ B09 - CTCK
Ban hành kèm theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

36. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các loại công cụ tài chính (Tiếp theo)

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	-	10.867.003.622
Các khoản phải trả	1.449.829.760	1.564.028
Chi phí phải trả	345.855.500	958.503.663
Phải trả giao dịch chứng khoán	-	-
Tổng cộng	1.795.685.260	11.827.071.313

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty. Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tình hình không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư ... Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN
Tầng 3 và tầng 4, tòa nhà Viglacera - Exim
Số 2 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội

MẪU SỐ B09 - CTCK
Ban hành kèm theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

36. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trợ giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tình thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính trình theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi thanh toán được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Cộng VND
Số cuối năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	- 6.010.860.615	-	6.010.860.615
Tài sản tài chính FVTPL	-	-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	15.500.000.000	-	15.500.000.000
Các khoản cho vay	8.885.228.007	-	8.885.228.007
Các khoản phải thu, phải thu khác	864.095.034	-	864.095.034
Các khoản ký quỹ	48.904.000	70.024.388	118.928.388
	<u>31.309.087.656</u>	<u>70.024.388</u>	<u>31.379.112.044</u>
Số cuối năm			
Các khoản phải trả	1.449.829.760	-	1.449.829.760
Chi phí phải trả	345.855.500	-	345.855.500
	<u>1.795.685.260</u>	<u>-</u>	<u>1.795.685.260</u>
Chênh lệch thanh khoản thuần	<u>29.513.402.396</u>	<u>70.024.388</u>	<u>29.583.426.784</u>
	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Cộng VND
Số đầu năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	169.681.229	-	169.681.229
Tài sản tài chính FVTPL	5.607.684.436	-	5.607.684.436
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	18.200.000.000	-	18.200.000.000
Các khoản cho vay	19.592.842.865	-	19.592.842.865
Các khoản phải thu, phải thu khác	1.348.599.782	-	1.348.599.782
Các khoản ký quỹ	43.201.500	70.024.388	113.225.888
	<u>44.962.009.812</u>	<u>70.024.388</u>	<u>45.032.034.200</u>
Số đầu năm			
Các khoản vay	10.867.003.622	-	10.867.003.622
Các khoản phải trả	1.564.028	-	1.564.028
Chi phí phải trả	958.503.663	-	958.503.663
Phải trả giao dịch chứng khoán	-	-	-
	<u>11.827.071.313</u>	<u>-</u>	<u>11.827.071.313</u>
Chênh lệch thanh khoản thuần	<u>33.134.938.499</u>	<u>70.024.388</u>	<u>33.204.962.887</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN
Tầng 3 và tầng 4, tòa nhà Viglacera - Exim
Số 2 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội

MẪU SỐ B09 - CTCK
Ban hành kèm theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

37. SỰ KIỆN SAU NGÀY KHÓA SỐ

Theo Thông báo số 001/2017/JSI-TB ngày 23/01/2017, Công ty thực hiện ngừng cung cấp dịch vụ giao dịch ký quỹ. Thời gian xử lý cụ thể như sau:

- Thời gian ngừng giải ngân và gia hạn đối với các khoản vay giao dịch ký quỹ: Từ ngày 02/02/2017;
- Thời gian thu nợ các khoản vay và đóng tài khoản giao dịch ký quỹ đã hoàn thành nghĩa vụ nợ với Công ty: Từ ngày 02/02/2017 đến ngày 28/04/2017;
- Sau ngày 28/04/2017, các tài khoản chưa hoàn thành nghĩa vụ nợ với Công ty, Công ty sẽ áp dụng các biện pháp trên cơ sở "Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản giao dịch ký quỹ chứng khoán" đã ký với khách hàng để tất toán các nghĩa vụ nợ của khách hàng với Công ty và đóng tài khoản giao dịch ký quỹ: Từ ngày 03/05/2017 đến ngày 05/05/2017.

38. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là báo cáo tài chính năm 2015 đã được kiểm toán. Báo cáo tình hình tài chính và Báo cáo kết quả hoạt động đã được trình bày lại để phù hợp với số liệu cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

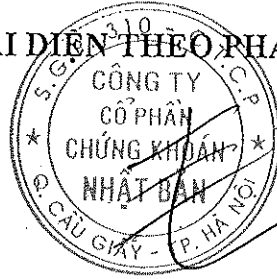


Aisumoto Haruyama
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 06 tháng 02 năm 2017

Nguyễn Thị Thu Trang
Phụ trách kế toán

Nguyễn Thị Như Lê
Người lập biểu

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY



ATSUHIKO HARUYAMA

Tổng Giám đốc